TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 578/2020/QĐST-DS	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 627/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị T** – sinh năm 1960
Địa chỉ: đường L1, phường R, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên hệ: đường P, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:
Ông **Lê Quốc V** – sinh năm 1988. Địa chỉ: đường Q, Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo giấy ủy quyền số công chứng 34485, quyển số 07 lập ngày 16/10/2017 tại Phòng công chứng U, Thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn:
1/ Ông **Ngô Vi H** – sinh năm 1967
2/ Bà **Nguyễn Thị H1** – sinh năm 1969
Cùng địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
3/ Ông **Ngô Quốc T** – sinh năm 1992.
Quốc tịch: Việt Nam.
Cư trú tại: Canada.
Người đại diện hợp pháp của ông T:
Bà **Nguyễn Thị H1** – sinh năm 1969. Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/4/2019 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Van-cu-vơ, Ca-na-da và được thụ ủy tại Phòng công chứng Nhà nước số 3, có số công chứng 14116, quyển số 5/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21/5/2019)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Ngô Thị T1** – sinh năm 1995.

Quốc tịch: Việt Nam.

Cư trú tại: Canada.

Người đại diện hợp pháp của bà Ngô Thị T1:

Bà **Nguyễn Thị H1** – sinh năm 1969. Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/4/2019 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Van-cu-vơ, Ca-na-da và được thụ ủy tại Phòng công chứng Nhà nước số 3, có số công chứng 14117, quyển số 5/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21/5/2019)

2/ Ông **Ngô Vi N (Ngô Vi M)** – sinh năm 1964.

Địa chỉ: Australia.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Vi N (Ngô Vi M):

Ông **Lê Quốc V** – sinh năm 1988. Địa chỉ: đường Q, Phường O, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 06/9/2017 được hợp pháp hóa lãnh sự tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney – Australia và giấy ủy quyền số công chứng 008117, quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09/11/2017 tại Văn phòng công chứng Y).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận khu I của nhà đất tại số đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh và Bản vẽ hiện trạng nhà cùng ngày 22/04/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 576/2003 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/2003 cho ông Ngô Vi T2 và bà Đỗ Thị C1 thuộc quyền sở hữu của ông Ngô Vi H, bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Quốc T và bà Ngô Thị T1.

2.2 Công nhận khu II của nhà đất tại số đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí – áp ranh và Bản vẽ hiện trạng nhà cùng ngày 22/04/2020 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM) theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 576/2003 do Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/5/2003 cho ông Ngô Vi T2 và bà Đỗ Thị C1 thuộc quyền sở hữu của bà Ngô Thị T.

2.3 Ông Ngô Vi H, bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Quốc T và bà Ngô Thị T1 và bà Ngô Thị T được quyền tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành cập nhật đăng bộ đứng tên chủ sở hữu từng phần nhà và đất đã tự thỏa thuận phân chia số đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

2.4 Bà Ngô Thị T phải có trách nhiệm phải di dời đồ đạc và giao trả nhà đường E, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Ngô Quốc T - do bà Nguyễn Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền của ông T trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2.5 Đình chỉ giải quyết các yêu cầu còn lại trong đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Ngô Thị T do bà T đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện, bao gồm việc phân chia di sản thừa kế sau:

2.5.1 Phần đất tọa lạc tại phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 200m^2, thuộc thửa đất số 1059, tờ bản đồ số 15 đã được Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00023/1B QSDĐ/LB ngày 15/11/2004 cho bà Bùi Thị L. Ông Ngô Vi H và bà Nguyễn Thị H1 nhận chuyển nhượng phần đất này (cập nhật biến động vào ngày 28/3/2008). Phần đất này ông H và bà H1 nhận tiền của mẹ là bà Đỗ Thị C1 để mua đất và đứng tên đất giùm. Hiện tại ông H và bà H1 đã chuyển nhượng phần đất này cho bà Nguyễn Thị Kim T3 và bà Nguyễn Thị Kim D (cập nhật biến động vào ngày 06/7/2016). Giá trị tài sản có tranh chấp tạm tính là 100.000.000 đồng.

2.5.2 Phần đất tọa lạc tại phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 200m^2, thuộc thửa đất số 1010, tờ bản đồ số 08 đã được Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U800946, vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00105/1B/QSDĐ/LTM ngày 23/7/2003 cho bà Đỗ Thị C1. Hiện tại phần đất này đã được bà C1 tặng cho ông Ngô Quốc T, cập nhật biến động ngày 18/5/2015. Tuy nhiên, thực chất là bà C1 cho ông T mượn đất đứng tên để hợp pháp hóa hồ sơ làm việc với ngân hàng, phục vụ mục đích cá nhân của ông T. Giá trị tài sản tạm tính là 200.000.000 đồng.

2.5.3 Số tiền mặt khoảng 800.000.000 đồng là tiền tiết kiệm của bà Đỗ Thị C1 khi còn sống, tạm thời gia đình thỏa thuận để bà Nguyễn Thị H1 quản lý.

2.5.4 Đối với phần đất tọa lạc tại phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích 200m^2, thuộc thửa đất số 1010, tờ bản đồ số 08 bà C1 đã cho gia đình bà Nguyễn Thị Thu K thuê 4.000.000 đồng/tháng. Từ khi bà C1 chết đến nay, tiền thuê này do bà Nguyễn Thị H1 chiếm giữ. Yêu cầu xác định lợi tức từ việc cho thuê này là di sản thừa kế và chia thừa kế theo pháp luật đối với số lợi tức này, theo bản ý kiến đề ngày 26/01/2018, tạm tính đến hết ngày 31/01/2018 là 25 tháng x 4.000.000 đồng = 100.000.000 đồng.

2.5.5 Đối với nhà đất số đường P, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có diện tích đất 344m^2 trên giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 576/2003 ngày 21/5/2003. Diện tích đất sử dụng thực tế của nhà đất này lớn hơn diện tích ghi trên giấy chứng nhận được cấp. Bà T yêu cầu công nhận phần diện tích đất chưa được công nhận, đồng thời chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất trên.

2.5.6 Yêu cầu tuyên bố Bản di chúc của bà Đỗ Thị C1 lập ngày 31/7/2015 tại Phòng công chứng U, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 23202, quyển số 5/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu.

2.6 Về án phí sơ thẩm:

- Do nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện về các nội dung như nêu trên nên không phải chịu án phí dân sự về phần này.

- Về án phí hòa giải thành là 19.238.500 (Mười chín triệu hai trăm ba mươi tám nghìn năm trăm) đồng, được giải quyết như sau :

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 9.619.250 (Chín triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng. Do bà T đủ 60 tuổi theo quy định luật người cao tuổi và có đơn xin được miễn nộp án phí, tạm ứng án phí nên bà T được miễn nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

+ Ông Ngô Vi H, bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Quốc T, bà Ngô Thị T1 cùng phải chịu án phí là 9.619.250 (Chín triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng nhưng các bên thỏa thuận bà Nguyễn Thị T sẽ tự nguyện nộp thay cho ông Ngô Vi H, bà Nguyễn Thị H1, ông Ngô Quốc T, bà Ngô Thị T1. Do đó bà T phải nộp 9.619.250 (Chín triệu sáu trăm mười chín nghìn hai trăm năm mươi) đồng tiền án phí. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 17.320.000 (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0034356 ngày 07/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà T được hoàn lại số tiền là 7.700.750 (Bảy triệu bảy trăm nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Giang